TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 03/5/2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thận
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: ông Hoàng Văn Đàm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 259/2017/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX - ST ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Huyền T; sinh năm: 1975 (có mặt)

Trú tại: thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1961 (vắng mặt)

Trú tại: thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện B – phòng giao dịch xã B

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình

Phước. Chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng. Nguyên nhân là do anh C và chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thiếu tôn trọng tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2015 thì ngày càng trầm trọng. chị Tvà anh C sống ly thân từ năm 2017 liên tục cho đến nay. Chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 8/4/1994; Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 12/1/1996 và Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 25/5/ 2000. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với cháu C và cháu Đ đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam phong giao dịch B, huyện B số tiền 35.000.000 đồng. Chị Tcó nguyện vọng nhận trả số nợ này. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt nên không có ý kiến gì.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – phòng giao dịch xã B, huyện B

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng ông Nguyễn Ngọc Thư – chức vụ: Giám đốc trình bày:

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn C có vay số tiền 35.000.000đồng của Ngân hàng Nông Nghiệp PTNT chi nhánh huyện B phòng giao dịch xã B theo sổ vay vốn ngày 26/5/2017. Theo hợp đồng tín dụng hai bên ký kết thì thời hạn thanh toán số tiền là 26/5/2018. Khi vay chị T và anh C có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 979287 do UBND huyện B cấp ngày 01/8/2014. Do chưa đến hạn nên phía ngân hàng không yêu cầu giải quyết số nợ trong vụ án này. Trường hợp đến hạn thanh toán chị T anh C không thanh toán theo thỏa thuận thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Ngân hàng xin giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T

- Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét giải quyết, giao cháu Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 25/5/ 2000 cho chị T nuôi dưỡng.

- Về tài sản: không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: tự thỏa thuận không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 103/2002 ngày 26/12/2002 đã được chị Tgiao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: chị T khai quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn bắt đầu vào năm 2014, nguyên nhân do anh C thường xuyên ghen tuông vô cớ, mắng chửi hằng ngày và có những lời lẽ xúc phạm chị. Giữa chị và anh C không còn tin tưởng nhau. Hôn nhân giữa anh chị ngày càng trầm trọng đến năm 2017 chị T và anh C đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, anh C thường xuyên đi làm xa, hai bên không quan tâm gì đến nhau, kinh tế độc lập. Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh C, tuy nhiên anh C không có mặt theo giấy triệu tập. Do đó, xem như anh C tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa chị Tvà anh C có mâu thuẫn xảy ra và mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài, anh chị không tìm cách giải quyết mâu thuẫn mà đã sống ly thân làm cho quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C ngày càng trầm trọng. Như vậy có đủ cơ sở chị T, anh C vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 8/4/1994; Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 12/1/1996 và Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 25/5/ 2000. Đối với cháu Nguyễn Tuấn C và Nguyễn Tuấn Đ đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 25/5/2000 chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th. Xét nguyện vọng của cháu Th theo biên bản lấy lời khai thì cháu Th có nguyện vọng được sống với chị T. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh C đều vắng mặt và cũng không gửi văn bản để thể

hiện ý kiến của mình, do đó Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến của anh C. Từ những nhận định trên yêu cầu của nguyên đơn chị T về việc được nuôi cháu Thành cần được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn chị Tkhông yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh B phòng giao dịch B số tiền 35.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình Tòa án làm việc với Ngân hàng, Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết vì chưa đến hạn thanh toán và đến nay chị T anh C không vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021498 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T về việc ly hôn. Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Th, sinh ngày 25/5/2000 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Tuấn C và Nguyễn Tuấn Đ đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm

dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021498 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh